

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 224/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 09.11.2018.

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: không tham gia.

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Huyền D, sinh năm 1971 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Huỳnh L, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền D trình bày: Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 1990 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh An Giang. Chị D cho rằng cuộc

sống không phù hợp nhau, không còn tình cảm. Nhận thấy tình cảm không còn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh ngày 24.6.1992, hiện nay đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Huỳnh L đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Huỳnh L không gửi văn bản, cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Huyền D.

Chị Bùi Thị Huyền D có đơn yêu cầu vắng mặt tại các buổi tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Huyền D yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh L. Anh L có nơi cư trú tại ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Bùi Thị Huyền D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Huỳnh L đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Huỳnh L vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Bùi Thị Huyền D, anh Nguyễn Huỳnh L là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Huyền D và anh Nguyễn Huỳnh L xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, anh L không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ này. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Huỳnh L không gửi cho Tòa án ý kiến cũng như không tham gia các phiên hòa giải, nên Tòa án đã lập biên bản tiến hành hòa giải không được, chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được, chị D xin ly hôn với anh L là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” . Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] Về quan hệ con chung: Chị xác định có 01 con chung Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh ngày 24.6.1992, hiện nay đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Huyền D xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Bùi Thị Huyền D xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị D và anh L trong thời kỳ hôn nhân thì chị D và anh L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Bùi Thị Huyền D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.
- Các Điều 28, 35, 146, 147, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Huyền D

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Huyền D được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh L.

- Về quan hệ con chung: Chị D xác định có 01 con chung Nguyễn Thị Huỳnh C, sinh ngày 24.6.1992 (Hiện nay đã thành niên) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về quan hệ nợ chung: Chị Bùi Thị Huyền D xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị D và anh L trong thời kỳ hôn nhân thì chị D, anh L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Huyền D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000049 ngày 15.8.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chị H không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Kiến T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Châu Vũ Sơn